

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đình;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;
Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng Th, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Biện Trượng, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th: Bà Huỳnh Mỹ Sự, Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp Biện Trượng, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Ông Phan Khánh Dương là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn bà Phạm Hồng Th trình bày yêu cầu:

Bà Th, ông Đ tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2001, đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 05 người con tên Lâm Chí Kh, sinh ngày 23/9/2002 (nam); Lâm Thúy Q, sinh ngày 07/8/2003 (nữ); Lâm Thúy A, sinh ngày 20/11/2008 (nữ); Lâm Chí K, sinh ngày 27/8/2011 (nam); Lâm Hoài Ph, sinh ngày 30/11/2014 (nam), hiện các cháu đang sống chung gia đình. Khi ly hôn con chưa trưởng thành muốn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Đ:

Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ án. Tòa án tổng đạt thông báo hòa giải hai lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Hồng Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Th trình bày: Bà Th không đồng ý rút đơn kiện, bà Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Đ đề nghị cho bà Th ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; con chung 05 người, khi ly hôn con chưa trưởng thành xét nguyện vọng con chung, qua làm việc các cháu có nguyện vọng sống với mẹ nên bà Th đồng ý nuôi hết 03 người con, còn hai cháu lớn sống tự lập được nên không đặt ra yêu cầu, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho 03 cháu, mỗi cháu 800.000 đồng/tháng/cháu đến khi các cháu trưởng thành; tài sản, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí nếu trường hợp phải nộp xin miễn vì thuộc hộ nghèo.

Bị đơn ông Lâm Đ và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ trình bày: Hôn nhân của ông Đ và bà Th không có đăng ký kết hôn, ông Đ biết sai nên tha thiết muốn hàn gắn hôn nhân, xin bà Th rút đơn ly hôn, trường hợp bà Th cương quyết ly hôn thì do Tòa án quyết định; về con chung có 05 người đúng như bà Th trình bày, con chưa trưởng thành xét nguyện vọng của con, 03 người con có nguyện vọng sống chung với mẹ thì ông Đ tự nguyện cấp dưỡng cho các cháu mỗi tháng 800.000 đồng/cháu cấp dưỡng cho 03 cháu đến khi các cháu trưởng thành; về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết; án phí nếu phải nộp xin được miễn cho bị đơn vì thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Hồng Th và ông Lâm Đ chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do ông Đ bạo hành gia đình, dẫn đến mất hạnh phúc, ông bà

sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn, không đồng ý rút đơn kiện; ông Đ không đồng ý ly hôn xin hàn gắn.

Thấy rằng, bà Th và ông Đ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Th và ông Đ không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung:

Hai đương sự xác định có 05 người con tên Lâm Chí Kh, sinh ngày 23/9/2002 (nam); Lâm Thúy Q, sinh ngày 07/8/2003 (nữ); Lâm Thúy A, sinh ngày 20/11/2008 (nữ); Lâm Chí K, sinh ngày 27/8/2011 (nam); Lâm Hoài Ph, sinh ngày 30/11/2014 (nam), hiện các cháu đang sống chung gia đình. Khi ly hôn con chưa trưởng thành muốn theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi không đặt ra cấp dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu A, cháu K và cháu Ph các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ trường hợp cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao các cháu cho bà Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Hai đương sự thỏa thuận, ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng cấp dưỡng cho 03 cháu đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng cấp dưỡng cho 03 cháu, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ông Đ chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất chậm cấp dưỡng.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng định kỳ 300.000 đồng nguyên đơn và bị đơn được miễn nộp do thuộc hộ nghèo; nguyên đơn có nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm được nhận lại.

[5] Người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn theo yêu cầu của một bên đối với bà Th. Yêu cầu của người bào chữa không được chấp nhận. Bởi lẽ: Bà Th và ông Đ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Hồng Th và ông Lâm Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Thúy A, sinh ngày 20/11/2008 (nữ); Lâm Chí K, sinh ngày 27/8/2011 (nam); Lâm Hoài Ph, sinh ngày 30/11/2014 (nam) cho bà Phạm Hồng Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Buộc ông Lâm Đ cấp dưỡng nuôi con một tháng 800.000 đồng/cháu x 03 cháu (A, K và Ph) = 2.400.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đ chậm cấp dưỡng ông Đ còn phải chịu lãi suất chậm thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí cho bà Th, ông Đ. Bà Th có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007556 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính